

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TƯ PHÁP

Số: 336/STP-QLXLVPHC&TDTHPL
V/v báo cáo công tác theo dõi tình hình
thi hành pháp luật năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 08 tháng 9 năm 2017

Kính gửi:

- Giám đốc các Sở, ngành;
- Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

Thực hiện Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về thực hiện công tác Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2017.

Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình đề nghị các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2017 thuộc phạm vi quản lý của ngành, đơn vị. Thời điểm lấy số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017 (*Nội dung báo cáo theo mẫu đính kèm*).

Báo cáo gửi về Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình **trước ngày 05/10/2017** bằng văn bản và qua địa chỉ hộp thư điện tử quanly0903@gmail.com để Sở tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp đúng thời gian quy định.

Đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLXLVPHC&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Thịnh



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Ban hành kèm theo Công văn số 336/STP-QLXLVPHC&TDTHPL
ngày .../.../2017 của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC -

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2017

Thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cơ quan/đơn vị/địa phương báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, như sau:

I. Tình hình thi hành pháp luật theo ngành/lĩnh vực/địa bàn

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành, hướng dẫn thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý

a) Đánh giá tính đầy đủ, kịp thời của việc ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền quản lý (Ghi cụ thể kết quả tham mưu cho Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý).

Lập Bảng tổng hợp kết quả theo dõi tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết (Kèm theo biểu mẫu số 02).

b) Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản.

c) Tính khả thi của văn bản

Lập Danh mục văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và Danh mục văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi (Kèm theo biểu mẫu số 03 và 04).

2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến và tập huấn nghiệp vụ

- Tình hình tuyên truyền, phổ biến; tập huấn nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật; các quy định của pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý (Nêu rõ các hình thức, số lượng các buổi tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn và đối tượng tham gia).

- Đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động tuyên truyền, phổ biến; tập huấn; tác động của công tác tuyên truyền, phổ biến; tập huấn đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân.

b) Bảo đảm nguồn lực để thi hành các quy định của pháp luật

- Đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực, kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực.

3. Tình hình tuân thủ pháp luật

a) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền

- Tình hình thi hành pháp luật qua công tác kiểm tra (Ghi rõ số cuộc kiểm tra). (Kèm theo biểu mẫu số 01).

- Tình hình thi hành pháp luật qua công tác thanh tra (Ghi rõ số cuộc thanh tra).

- Tình hình thi hành pháp luật qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Tình hình thi hành pháp luật qua công tác bồi thường của Nhà nước.

b) Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân

- Tình hình vi phạm hành chính.

- Tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Lập Bảng tổng hợp vụ việc khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật đã được tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý, giải quyết (Kèm theo biểu mẫu số 05).

c) Đánh giá chung về tình hình tuân thủ pháp luật

- Kết quả đạt được;

- Tồn tại, hạn chế;

- Nguyên nhân.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế (xuất phát từ nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, công tác tổ chức thi hành, ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân)

a) Nguyên nhân khách quan

b) Nguyên nhân chủ quan

IV. GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

a) Hoàn thiện thể chế, pháp luật

b) Các điều kiện bảo đảm

2. Đề xuất, kiến nghị

a) Đối với Chính phủ

b) Đối với các Bộ, ngành

c) Đối với các địa phương

Nơi nhận:

.....

- Lưu: VT,



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Công văn số .../STP-QLXLVPHC&TDTHPL
ngày .../.../.../2017 của Sở Tư pháp Ninh Bình)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC -

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực
hộ tịch; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền
với đất và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp
(Số liệu báo cáo từ ngày 01/10/2016 đến 30/9/2017)

I. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện

1. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành
pháp luật về hộ tịch; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với
đất và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

- Xây dựng Kế hoạch
- Tổ chức thực hiện Kế hoạch

...

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế
- Nguyên nhân

II. Tình hình thi hành pháp luật về hộ tịch; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành, hướng dẫn thi
hành trong lĩnh vực hộ tịch; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn
liền với đất và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại địa phương

a) Đánh giá tính đầy đủ, kịp thời của việc ban hành hoặc trình cơ quan nhà
nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết về lĩnh vực hộ tịch; đăng
ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; các văn bản quy định chi
tiết, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.

Lập Bảng tổng hợp kết quả theo dõi tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành
văn bản quy định chi tiết (Kèm theo biểu mẫu số 02).

- b) Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản.

c) Tính khả thi của văn bản

Lập Danh mục văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và Danh mục văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi (Kèm theo biểu mẫu số 03 và 04).

2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

a) Tuyên truyền, phổ biến và tập huấn các quy định của pháp luật về hộ tịch; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

- Tình hình tuyên truyền, phổ biến; tập huấn nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật; các quy định của pháp luật về hộ tịch; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp (Nêu rõ các hình thức, số lượng các buổi tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn và đối tượng tham gia).

- Đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động tuyên truyền, phổ biến; tập huấn; tác động của công tác tuyên truyền, phổ biến; tập huấn đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân.

b) Bảo đảm nguồn lực để thi hành các quy định của pháp luật về hộ tịch; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

- Đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực, kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực về hộ tịch; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Đánh giá về việc ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp (việc bố trí, quản lý các loại Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp (nếu có)).

3. Tình hình tuân thủ pháp luật

a) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền

- Tình hình thi hành pháp luật qua công tác kiểm tra (Ghi rõ số cuộc kiểm tra). (Kèm theo biểu mẫu số 01).

- Tình hình thi hành pháp luật qua công tác thanh tra (Ghi rõ số cuộc thanh tra).

- Tình hình thi hành pháp luật qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác giải quyết, xét xử vụ án hành chính.

- Tình hình thi hành pháp luật qua công tác bồi thường của Nhà nước.

b) Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân

- Tình hình vi phạm hành chính.

- Tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Lập Bảng tổng hợp vụ việc khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật đã được tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý, giải quyết (Kèm theo biểu mẫu số 05).

c) Đánh giá chung về tình hình tuân thủ pháp luật

- Kết quả đạt được;
- Tồn tại, hạn chế;
- Nguyên nhân.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế (xuất phát từ nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, công tác tổ chức thi hành, ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân)

- a) Nguyên nhân khách quan
- b) Nguyên nhân chủ quan

IV. GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

- a) Hoàn thiện thể chế, pháp luật
- b) Các điều kiện bảo đảm

2. Đề xuất, kiến nghị

- a) Đối với Chính phủ
- b) Đối với các Bộ, ngành
- c) Đối với các địa phương

Noi nhận:

-

- Lưu: VT,



ĐỀ CƯƠNG
**Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ
doanh nghiệp khởi nghiệp**
*(Kèm theo Công văn số 336/STP-QLXLVPHC&TDTHPL
ngày 8/9/2017 của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình)*

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

- Xây dựng Kế hoạch
- Tổ chức thực hiện Kế hoạch

...

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế
- Nguyên nhân

II. TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành, hướng dẫn thi hành trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

1.1. Đánh giá tính đầy đủ, kịp thời của việc ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

1.2. Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản

1.3. Tính khả thi của văn bản

2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

2.1. Tuyên truyền, phổ biến và tập huấn các quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

Đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật; tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân.

2.2. Bảo đảm nguồn lực để thi hành các quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

- Đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực, kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực về hỗ trợ doanh nghiệp.

- Đánh giá về việc ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp (việc bố trí, quản lý các loại Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp (nếu có)).

3. Đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

3.1. Đánh giá tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, gồm:

- Kết quả tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trong phạm vi lĩnh vực quản lý.

- Tình hình triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (Vấn đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp; Giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp; Tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp và hoàn thiện pháp luật...)

- Lập danh mục các quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp chưa được cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành kịp thời, đầy đủ và hướng dẫn chưa chính xác hoặc thiếu thống nhất; các quyết định áp dụng pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành có vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, không bảo đảm tính chính xác.

- Đánh giá những nội dung, quy định có vấn đề nổi cộm, có vướng mắc lớn, bao gồm:

+ Những nội dung, quy định thiếu tính khả thi, không thể thực hiện trong thực tiễn;

+ Những nội dung, quy định không thống nhất, tạo khoảng trống, kẽ hở pháp luật;

+ Những nội dung, quy định dẫn đến hiện tượng có nhiều vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

+ Đề xuất biện pháp xử lý đối với từng nội dung, quy định cụ thể.

- Đánh giá những vi phạm pháp luật điển hình:

+ Lập danh mục những vi phạm pháp luật điển hình từ phía tổ chức, cá nhân đối với các chủ thể: cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp vi phạm; cán bộ, công chức...;

+ Nguyên nhân chủ yếu của tình hình vi phạm pháp luật.

3.2. Đánh giá chung về tình hình tuân thủ và áp dụng các quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế (xuất phát từ nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, công tác tổ chức thi hành, ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân)

a) Nguyên nhân khách quan

b) Nguyên nhân chủ quan

IV. GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

a) Hoàn thiện thể chế, pháp luật

b) Các điều kiện bảo đảm

2. Đề xuất, kiến nghị

a) Đối với Chính phủ

b) Đối với các Bộ, ngành

c) Đối với các địa phương

Noi nhận:

.....

-

- Lưu: VT,



Mẫu số 1

BẢNG TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG THEO ĐỐI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT (*) (Kèm theo Báo cáo số .../BC-... (1)... ngày .../.../... của... (2)....)

Số đối tình theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề (lĩnh vực trọng tâm)	Số cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	Số cuộc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng				

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 1

(*) Biểu mẫu này áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

1. Cột (2): Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Lĩnh vực trọng tâm do Bộ Tư pháp xác định và lĩnh vực do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tự xác định.

Đối với UBND cấp tỉnh: Lĩnh vực do Bộ Tư pháp xác định, lĩnh vực do các Bộ, ngành khác xác định được thực hiện trên phạm vi toàn quốc và lĩnh vực do địa phương tự xác định.

2. Cột (3): Chỉ thống kê số cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định của Nghị định 59/2012/NĐ-CP và Thông tư 14/2014/TT-BTP.

3. Cột (4): Chỉ thống kê số cuộc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thông qua phiếu khảo sát.

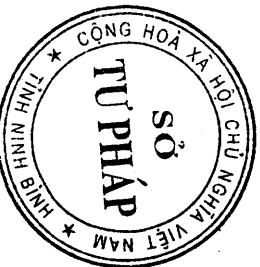
4. Cột (5): Nêu rõ đã xử lý bao nhiêu thông tin từ kết quả của việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

5. Cột (6): Nêu rõ đã xử lý bao nhiêu thông tin từ kết quả của việc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

6. Cột (7): Nêu rõ đã xử lý bao nhiêu thông tin từ kết quả của việc thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

7. Cột (8): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

Mẫu số 2



**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO ĐỔI TỈNH KỊP THỜI, ĐẨY ĐỦ CỦA VIỆC BAN HÀNH
VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT (*)**

(Kèm theo Báo cáo số .../BC-...(1)... ngày .../.../... của...(2)...) _____

Số văn bản	Văn bản được quy định chi tiết				Văn bản quy định chi tiết						Ghi chú		
	Tên, số, ký hiệu văn bản	Ngày có hiệu lực	Tổng số nội dung giao quy định chi tiết	Tổng số nội dung đã quy định chi tiết	Tên văn bản quy định chi tiết	Thời gian ban hành (theo kế hoạch)		Tình trạng hiện nay					
						Đã ban hành (Ngày có hiệu lực)	Đang soạn thảo	Thảm định	Thảm tra	Đã trình			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
I. Luật, Pháp lệnh													
II. Văn bản dưới luật													

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 2

(*) Biểu mẫu này áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp. Đây là Bảng tổng hợp kết quả theo dõi tình hình ban hành

- (1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.
- (2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

- 1. Cột (2): Ghi tên, số, ký hiệu văn bản.
- 2. Cột (3): Ghi ngày văn bản bắt đầu có hiệu lực thi hành.
- 3. Cột (4): Ghi tông số nội dung giao quy định chi tiết, đồng thời ghi tắt tên điều, khoản giao quy định chi tiết. Ví dụ: K2 D3, K5 D7,...
- 4. Cột (5): Ghi ghi tổng số nội dung giao quy định chi tiết đã được quy định chi tiết thành văn bản (ghi cụ thể tên Điều, Khoản, Điểm).
- 5. Cột (6): Ghi lần lượt từng văn bản quy định chi tiết theo thứ tự hiệu lực từ cao đến thấp.
- 6. Cột (7): Ghi thời gian ban hành văn bản quy định chi tiết theo kế hoạch. Kế hoạch được hiểu là Kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết (quy định tại
- 7. Cột (8): Đối với văn bản quy định chi tiết đã được ban hành, ghi thời gian bắt đầu có hiệu lực.
- 8. Cột (9), (10), (11), (12): Đối với văn bản quy định chi tiết chưa được ban hành, đánh dấu (X) vào cột tương ứng với tình trạng hiện nay.
- 9. Cột (11): Đối với các văn bản không cần thẩm tra thì không cần phải ghi.
- 10. Cột (13) cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.



Mẫu số 3

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÓ NỘI DUNG
KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ (*)**
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-...(1)... ngày .../... của...(2)....)

STT	Lĩnh vực	Tên văn bản quy định chi tiết	Điều khoản không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Tình trạng xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
(8)	(9)					

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 3

(*) Các văn bản quy định chi tiết được đề cập ở Phụ lục này là: nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- (1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.
- (2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.
1. Cột (2): Ghi rõ tên lĩnh vực được xác định trong Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật,
2. Cột (3): Ghi rõ tên, cơ quan, thời điểm ban hành văn bản có chứa quy định không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.
3. Cột (4): Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ.
4. Cột (5): Nêu rõ căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ: trái, mâu thuẫn, chồng chéo với nội dung nào của văn bản làm cơ sở để xem xét, đối chiếu.
5. Cột (6), (7) cần ghi rõ hình thức xử lý: hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành.
6. Cột (8): Ghi rõ chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiên nghị xử lý.
7. Cột (9): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

Mẫu số 4

SỔ DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÓ NỘI DUNG KHÔNG ĐẢM TÍNH KHẨ THI (*)

(Kèm theo Báo cáo số .../BC.../I)... ngày .../.../... của.../.../...)

STT	Lĩnh vực	Tên văn bản quy định chi tiết	Điều khoản không bảo đảm tính khả thi	Lý do không bảo	Tình trạng xử lý		Ghi chú	
					a	b	c	d
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

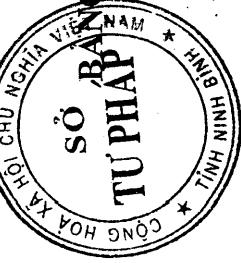
GIẢI THÍCH MẪU SỐ 4

(*) Các văn bản quy định chi tiết được đề cập ở Danh mục này là: nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- (1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.
- (2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.
1. Cột (2): Ghi rõ tên lĩnh vực được xác định trong Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.
2. Cột (3): Ghi rõ tên, số, ký hiệu, thời gian hành văn bản có chứa quy định không đảm bảo tính khả thi.
3. Cột (4): Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không bảo đảm tính khả thi.
4. Cột (5): Đánh dấu vào lý do không bảo đảm tính khả thi được xác định căn cứ vào những tiêu chí lân lượt được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, cụ thể:

 - a) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán;
 - b) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thi hành;
 - c) Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vần đề và ché tài xử lý;
 - d) Sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục thực hiện;
 - d) Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để có thể thực hiện đúng, hiểu thông nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.

5. Cột (6), (7): Ghi rõ hình thức xử lý: hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành.
6. Cột (8): Ghi rõ chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiến nghị xử lý.
7. Cột (9) cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điều được thông tin vào các cột trước đó.



Mẫu số 5

**SƠ BẢN TỔNG HỢP VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TÓ CÁO VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC TÒA ÁN, CƠ QUAN
NHÀ NƯỚC CÓ THẦM QUYỀN TIẾP NHẬN, THỰ LÝ, GIẢI QUYẾT (*)**
 (Kèm theo Báo cáo số .../BC... (1)... ngày .../.../... cia... (2)...) _____

STT	Lĩnh vực	Tố cáo	Khiếu nại	Tổng số vụ việc vi phạm pháp luật						Hành chính
				Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
										(12)
										(13)
										(14)
										(15)

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 5

* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp đề nghị Tòa án nhân dân cùng cấp cung cấp số liệu này.

- (1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.
- (2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.
 1. Cột (2) tới cột (11): Ghi rõ số vụ việc tương ứng với từng tiêu chí.
 2. Cột (12): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.